TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2019
V/v tranh chấp "xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng

2. Ông Lê Ngọc Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*: Không tham gia.*

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019; về tranh chấp "X*in ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Hồng H, sinh năm 1982. Địa chỉ số 311, khóm T, phường Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ tổ 10, ấpT, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019 chị Lê Hồng H trình bày:

Vào năm 2008 chị và anh Đ do quen biết nhau, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương; nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn tổng cộng là 01 chỉ vàng 18K nhưng hiện số vàng cưới này không còn vì vợ chồng thống nhất bán số vàng cưới dùng trong sinh hoạt gia đình. Ngày

19/8/2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quới, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi cưới vợ chồng lên Sài Gòn làm ăn, không có ở chung với gia đình hai bên. Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Đăng K, sinh ngày 18/5/2009.

Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gây gổ về vấn đề tiền bạc; anh Đ còn hay rượu chè thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không thay đổi khiến mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng H xin ly hôn anh Trần Văn Đ; Về con chung: Trần Lê Đăng K thì chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 02 triệu đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trần Văn Đ trình bày: Anh thống nhất với với chị H về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, về con chung, về mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H; Anh yêu cầu được nuôi con là Trần Lê Đăng K, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không tranh chấp.

Tại phiên tòa:

Chị Lê Hồng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn Đ. Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi Trần Lê Đăng K, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 02 triệu đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp.

Anh Trần Văn Đ đồng ý ly hôn chị Lê Hồng H. Về con chung, anh Đ đồng ý để chị Hạnh trực tiếp nuôi Trần Lê Đăng K, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1Điều 35 và điểm a khoản 1Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng H và anh Trần Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quới, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/8/2008 nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của chị Lê Hồng H xin ly hôn anh Trần Văn Đ là có cơ sở. Bởi vì, mâu thuẫn vợ

chồng giữa chị H anh Đ là trầm trọng, vợ chồng có thời gian sống ly thân từ rất lâu, chị H xác định không còn tình cảm với anh Đ nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng cho nên mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn chị H. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Hồng H và anh Trần Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Theo quy định pháp luật thì trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con thì Tòa án giao con cho bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Căn cứ vào hồ sơ vụ án thì cháu Trần Lê Đăng K có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay cháu K đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được trực tiếp nuôi Trần Lê Đăng K là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là không đúng quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng là cao so với thu nhập của anh Đ. Anh Đ trình bày thu nhập của anh một tháng là 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng cho con của anh Đ làđịnh kỳ 1.500.000 đồng/ tháng, thời gian tính từ ngày 11/6/2019 cho đến khi Trần Lê Đăng K đủ 18 tuổi.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Lê Hồng H và anh Trần Văn Đ thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Hồng H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Trần Văn Đ phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Hồng H và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Đăng K, sinh ngày 18/5/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kì hàng tháng là 1.500.000 đồng, thời gian tính từ ngày 11/6/2019 cho đến khi Trần Lê Đăng K đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Hồng H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015416 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị H đã nộp đủ không phải nộp thêm. Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai có mặt các đương sự. Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND T.Vĩnh Long;
- VKSND H.Bình Tân;
- THADS H.Bình Tân;
- UBND xã Tân Quới;
- Các đương sự;
- Lưu.